

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GÒ CÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2021/DSST

Ngày: 18/10/2021

V/v tranh chấp: “Hợp đồng góp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Nhi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thu Hảo
2. Ông Lê Thanh Nghị

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị An Thư - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 131/2020/TLST-DS, ngày 06 tháng 10 năm 2020, về việc tranh chấp: “*Hợp đồng góp hụi*,” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2021/QĐXXST- DS, ngày 06 tháng 9 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 112/2021/QĐST-DS, ngày 30 tháng 9 năm 2021. Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị C, sinh năm: 1975;

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Ngô Văn H, sinh năm: 1971
Cùng địa chỉ: Ấp H, xã BX, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang;

- Bị đơn: 1) Bà Võ Thị Tr, sinh năm: 1975

2) Ông Trịnh Xuân T, sinh năm: 1971
Cùng địa chỉ: Ấp H, xã BX, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

(Ông H, bà Tr và ông T có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải - Nguyên đơn, bà Lê Thị C; đại diện theo ủy quyền của bà C - Ông H trình bày có cùng nội dung:***

Bà Tr mua 04 phần hụi do bà C làm đầu thảo, cụ thể như sau:

- Tại đây hội mở ngày 20 tháng 01 năm 2018 (âm lịch). Dây hội có 28 phần, 2.000.000đ/phần, ngày mãng hội là 20 tháng 4 năm 2021 (âm lịch). Ngày 20 tháng 02 năm 2019 (âm lịch), bà Tr mua 01 phần hội với số tiền là 56.000.000 đồng. Ngày 20 tháng 9 năm 2019 (âm lịch), bà Tr mua tiếp 01 phần hội với số tiền là 56.000.000 đồng.

Sau khi mua hội, hàng tháng bà Tr phải đóng lãi theo số tiền hội viên bỏ hội tại 02 kỳ hội bà Tr mua, mỗi kỳ là 380.000 đồng/ phần. Sau khi mua hội, bà Tr có đóng tiền lãi đến tháng 3 tháng 2020 (âm lịch) thì ngưng nên còn nợ lại 02 kỳ tiền lãi là 1.520.000 đồng (380.000đ/kỳ x 2 phần x 2 kỳ). Tổng cộng tiền mua hội và tiền lãi bà Tr còn nợ là 113. 520.000 đồng [(56.000.000đ x 2) + 1.520.000đ].

- Tại đây hội mở ngày 20 tháng 9 năm 2019 (âm lịch). Dây hội có 22 phần, 5.000.000 đồng/ phần, ngày mãng hội là 05 tháng 7 năm 2021 (âm lịch). Ngày 05 tháng 10 năm 2018 (âm lịch), bà Tr mua 01 phần hội với số tiền là 110.000.000 đồng. Đến ngày 05 tháng 11 năm 2019 (âm lịch), bà Tr mua tiếp 01 phần hội với số tiền là 110.000.000 đồng.

Sau khi mua hội, hàng tháng bà Tr phải đóng tiền lãi theo số tiền hội viên bỏ hội tại 02 kỳ hội bà Tr mua; mỗi kỳ là 1.000.000 đồng/ phần. Bà Tr có đóng tiền lãi đến tháng 4 (tháng 4 sau) năm 2020 (âm lịch) thì ngưng trả lãi nên còn nợ lại 03 kỳ tiền lãi là 6.000.000 đồng (1.000.000đ/kỳ x 2 phần x 3 kỳ). Tổng cộng tiền mua hội và tiền lãi bà Tr còn nợ là 226.000.000 đồng [(110.000.000đ x 2) + 6.000.000đ].

Tổng số tiền bà Tr mua 4 phần hội còn nợ là: 339.520.000 đồng (113. 520.000đ + 226.000.000đ).

Bà Tr tham gia góp 02 phần hội do bà C làm đầu thảo, cụ thể như sau:

- Dây hội mở ngày 05 tháng 10 năm 2018 (âm lịch), có 22 phần, 5.000.000 đồng/ phần, đến ngày 05 tháng 7 năm 2021 (âm lịch) thì mãng hội. Bà Tr tham gia 01 phần và hót hội ngày 05 tháng 11 năm 2018 (âm lịch). Sau khi hót hội, bà Tr còn phải góp lại 21 kỳ hội chết với số tiền là 105.00.000 đồng nhưng bà Tr chưa góp lần nào nên nay còn nợ 105.000.000 đồng.

- Dây hội mở ngày 20 tháng 01 năm 2018 (âm lịch), dây hội có 29 phần, 2.000.000 đồng/ phần. Đến ngày 20 tháng 4 (tháng 4 sau) năm 2020 thì mãng hội. Bà Tr tham gia 01 phần và hót hội ngày 20 tháng 02 năm 2018 (âm lịch). Sau khi hót hội, bà Tr còn phải góp lại 27 kỳ hội chết với số tiền là 54.000.000 đồng nhưng bà Tr chưa góp lần nào nên nay còn nợ tôi 54.000.000 đồng.

Tổng số tiền hội góp, bà Tr còn nợ là: 159.000.000 đồng (105.00.000đ + 54.000.000đ).

Đến ngày 02 tháng 4 (tháng 4 sau) năm 2020 (âm lịch), bà C và bà Tr tính lại nợ. Bà Tr còn nợ bà C tiền mua hội và góp hội tổng cộng là 498.520.000 đồng. Bà Tr có ký tên và viết họ tên vào giấy nợ tiền hội ngày 02 tháng 4 năm 2020 (âm lịch). Sau đó, bà Tr có trả được 8.000.000 đồng thì ngưng nên đến nay còn nợ 490.520.000 đồng.

Theo nội dung đơn khởi kiện, bà C yêu cầu bà Tr và chồng là ông Trịnh Xuân T cùng trả cho bà C số tiền tổng cộng là 511.520.000 đồng. Trong đó nợ vốn 490.520.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày viết biên nhận đến ngày khởi kiện là 21.000.000 đồng. Đến ngày 01 tháng 6 năm 2021, bà C có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu ông T cùng bà Tr trả tiền; không yêu cầu trả tiền lãi. Nay tôi yêu cầu bà Tr trả cho bà C số tiền còn nợ là 490.520.000 đồng, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

* Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai của đương sự cùng ngày 26 tháng 10 năm 2020, bị đơn - Bà Võ Thị Tr trình bày: Trước đây tôi có góp hụi do bà C làm đầu thảo nhưng các dây hụi đã mãng. Theo Kết luận giám định số 1417/C09B, ngày 07 tháng 5 năm 2021 đã xác định chữ ký tên Trang và chữ viết họ tên Võ Thị Tr trong giấy nợ tiền hụi ngày 02 tháng 4 năm 2020 là do tôi viết và ký tên nên tôi thừa nhận còn nợ bà C số tiền 490.520.000 đồng. Nay tôi đồng ý trả cho bà C 490.520.000 đồng nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên xin trả mỗi tháng 2.000.000 đồng.

* Tại bản tự khai ngày 26 tháng 10 năm 2020 và tại phiên tòa, bị đơn - Ông Trịnh Xuân T trình bày: Ông không tham gia góp hụi, mua hụi với bà C. Bà Tr có góp hụi, mua hụi với bà C hay không, ông không biết vì ông và bà Tr không còn chung sống với nhau từ tháng 11 năm 2017 đến nay. Nay bà C yêu cầu bà Tr trả tiền, ông không có ý kiến.

* Theo Kết luận giám định số 1417/C09B, ngày 07 tháng 5 năm 2021 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh, xác định chữ ký tên Trang và chữ viết họ tên Võ Thị Tr trong giấy nợ tiền hụi ngày 02 tháng 4 năm 2020 là do bà Tr ký và viết.

** Ý kiến của Viện kiểm sát:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo các văn bản tố tụng, cũng như tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung giải quyết: Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, Kết luận giám định số 1417/C09B, ngày 07 tháng 5 năm 2021 của Phân viện Khoa học hình sự. Nhận thấy: Bà C yêu cầu bà Tr trả số tiền còn nợ là 490.520.000 đồng theo giấy nợ tiền hụi ngày 02 tháng 4 năm 2020. Bà Tr thừa nhận có ký và viết họ tên trong giấy nợ tiền hụi ngày 02 tháng 4 năm 2020 và còn nợ 490.520.000 đồng. Do đó, buộc bà Tr trả cho bà C số tiền còn nợ là 490.520.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà C xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện; không yêu cầu ông T trả nợ nên đình chỉ giải quyết yêu cầu này của bà C.

Bà Tr có nghĩa vụ nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp giữa bà Lê Thị C và bà Võ Thị Tr là tranh chấp về “*Hợp đồng góp hui*” theo khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bà C yêu cầu bà Tr trả số tiền mua hui và góp hui còn nợ là vốn 490.520.000 đồng. Xét thấy:

Theo kế luận giám định số 1417/C09B, ngày 07 tháng 5 năm 2021 của Phân viện Khoa học hình sự xác định chữ ký tên Trang và chữ viết họ tên Võ Thị Tr trong giấy nợ tiền hui ngày 02 tháng 4 năm 2020 là do bà Tr ký và viết.

Mặt khác, tại phiên tòa, bà Tr thừa nhận có ký tên và viết họ tên trong giấy nợ tiền hui ngày 02 tháng 4 năm 2020 và chưa trả. Nay bà Tr đồng ý trả tiền cho bà C. Đây là sự tự nguyện của bà Tr nên ghi nhận.

Xét về thời gian trả: Bà C yêu cầu bà Tr trả 490.520.000 đồng làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Bà Tr xin trả mỗi tháng 2.000.000 đồng. Xét thấy, mục đích của việc tổ chức góp hui là do các đương sự tự thỏa thuận thống nhất với nhau nhằm mục đích tương trợ vốn làm ăn. Bà Tr hốt hui, mua hui và các dây hui đã mãng từ lâu nhưng không trả lại tiền cho bà C là làm thiệt thòi cho quyền lợi của bà C. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của bà C, buộc bà Tr trả 490.520.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 8 năm 2020, bà C kiện bà Tr và ông T cùng có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ là 511.520.000 đồng, gồm có tiền vốn là 490.520.000 đồng và tiền lãi là 21.000.000 đồng. Ngày 01 tháng 6 năm 2021, bà C rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông T cùng trả tiền và không yêu cầu trả tiền lãi. Đây là sự tự nguyện của bà C nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

Xét thấy ý kiến phân tích và đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, nên được chấp nhận.

Về án phí: Yêu cầu của bà C được chấp nhận nên bà C không phải nộp án phí. Bà Tr có nghĩa vụ trả tiền nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Ông T không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 5, khoản 3 Điều 26, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C.
- Buộc bà Võ Thị Tr có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị C số tiền mua hụi và góp hụi còn nợ là 490.520.000 (*bốn trăm chín mươi triệu năm trăm hai mươi nghìn*) đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.
- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C về việc yêu cầu ông Trịnh Xuân T trả tiền.
- Về án phí:
 - + Bà Võ Thị Tr phải nộp 24.526.000 (*hai mươi bốn triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.
 - + Hoàn trả cho bà Lê Thị C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.500.000 đồng theo biên lai thu số 43997, ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Gò Công.

Đến hạn trả tiền, nếu bà Võ Thị Tr không thực hiện việc trả tiền theo thời gian trên thì hàng tháng phải trả thêm khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án tỉnh Tiền Giang đề yêu cầu xét xử phúc thẩm.

**TM. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND TXGC;
- THA Dân sự TXGC;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

NGUYỄN THỊ HOÀNG NHI

